

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAM LÂM
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16 /HNGĐ-ST**

Ngày: 21/6/2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM,
TỈNH KHÁNH HÒA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thu Trang

Ông Châu Ngọc Thạch

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST -HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan Sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Dầu Sơn, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, Khánh Hoà.

Có đơn xin vắng mặt

* Bị đơn: Ông Lê Hồng Đức Sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Trung Hiệp 2, xã Cam Hiệp Bắc, huyện Cam Lâm, Khánh Hoà.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:

Bà và ông Lê Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CHB, huyện CL, (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 27/4/2021). Thời gian qua giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nay cảm thấy không hợp và thực tế vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ giữa năm 2021 đến

nay. Bà nộp đơn tại Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn, ông Đ không có thiện chí hàn gắn và bỏ mặc. Vì vậy, bà đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Hồng Đ.

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – ông Lê Hồng Đ vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông Đức.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh K phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Hồng Đ không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn với ông Lê Hồng Đ. Về con chung: không có. Tài sản chung, nợ chung bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh L khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với ông Lê Hồng Đ, ông Đ có nơi cư trú tại Thôn T2, xã CHB, huyện CL, tỉnh K, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh K theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Thanh L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Hồng Đ vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CHB, huyện CL, tỉnh K (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 27/4/2021) nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Nguyễn Thị Thanh L có yêu cầu ly hôn nên Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh K thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày giữa bà và ông Đ đã có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết được. Ông Lê Hồng Đ đã được tòa án tiến hành thông báo các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt, mặc dù Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông Đ nhưng qua các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà L và ông Đ là có thật, thực tế vợ chồng đã không còn sống chung với nhau từ giữa năm 2021, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, thấy rằng kéo dài cuộc hôn nhân không hạnh phúc chỉ làm tổn hại đến tinh thần và sức khỏe của cả hai bên. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Thanh L yêu cầu ly hôn là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Hồng Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Thanh L.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn ông Lê Hồng Đ.

* *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Lê Hồng Đ không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền số AA/2021/0008979 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Bà L đã nộp đủ án phí.

* *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh K;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã CHB, huyện CL;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Minh